

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phát gạo học kỳ II năm học 2022-2023 (đợt 2) hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-BTC ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất bổ sung gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-TCĐT ngày 04/5/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (Bộ Tài chính) về việc xuất bổ sung gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trong học kỳ II năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 971/TTr-SGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2022-2023 (đợt 2) cho **112** học sinh tại các trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận với tổng số lượng gạo là **12.570 kg**. Mỗi học sinh nhận 04 tháng tương ứng với 60 kg gạo trong học kỳ II năm học 2022-2023 (danh sách các trường và số lượng học sinh được hỗ trợ gạo kèm theo Quyết định này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo).

Thời gian cấp phát: Dự kiến từ ngày 12/5/2023 đến ngày 14/5/2023.

### **Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu học sinh được thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, hướng dẫn các trường trực thuộc Sở thực hiện việc phân bổ gạo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nam Trung bộ và Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận tiếp nhận gạo đảm bảo về số lượng, chất lượng theo quy định và việc phân bổ gạo đến các đơn vị trực thuộc;

- Cử cán bộ phối hợp với đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban ngành, đoàn thể ở cơ sở giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận và cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

**2. Các Sở, ban ngành liên quan:** Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia giám sát, kiểm tra quá trình tiếp nhận, cấp phát gạo đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, các trường học có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Tổng Cục Dự trữ Nhà nước-BTC; } (báo cáo)
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh (phối hợp);
- Cục DTNN KVNTB (Khánh Hòa);
- VPUB: LĐ, KTTH, Công TTĐT;
- Lưu: VT, VXNV. NAM

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ  
HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023 (ĐỢT 2)  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Kg

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Nhu cầu gạo hỗ trợ của HKII	Số gạo bổ sung của HKI	Tổng nhu cầu gạo hỗ trợ của HKII
(A)	(B)	(1)	(2)= (1) x 60	(3)	(4) = (2) +(3)
1	<b>I. Huyện Ninh Sơn</b>	<b>60</b>	<b>3.600</b>	<b>4.395</b>	<b>7.995</b>
2	1. Trường THPT Nguyễn Du	33	1.980	2.295	4.275
3	2. Trường THPT Trường Chinh	03	180	225	405
4	3. Trường THPT Lê Duẩn	24	1.440	1.875	3.315
5	<b>II. Huyện Thuận Bắc</b>	<b>28</b>	<b>1.680</b>	<b>0</b>	<b>1.680</b>
6	1. Trường THPT Phan Bội Châu	28	1.680	0	1.680
7	<b>III. Huyện Ninh Phước</b>	<b>20</b>	<b>1.200</b>	<b>1.155</b>	<b>2.355</b>
8	1. Trường THPT An Phước	13	780	705	1.485
9	2. Trường THPT Nguyễn Huệ	04	240	225	465
10	3. Trường THPT Phạm Văn Đồng	03	180	225	405
11	<b>IV. TP Phan Rang-Tháp Chàm</b>	<b>04</b>	<b>240</b>	<b>300</b>	<b>540</b>
12	1. Trường THPT Chu Văn An	03	180	225	405
13	2. Trường THPT Tháp Chàm	01	60	75	135
	<b>Tổng cộng</b>	<b>112</b>	<b>6.720</b>	<b>5.850</b>	<b>12.570</b>